

Số: 297/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung, phân bổ kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách cấp tỉnh năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV – KỲ HỌP THỨ 30

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 3101/TTr-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2025, Báo cáo số 402/BC-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 209/BC-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đồng ý gia hạn thời gian bố trí vốn đối với 05 dự án, gồm: (1)- Đường giao thông nối Quốc lộ 18 với tỉnh lộ 334 tại phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả; (2)- Đường từ nút giao Chợ Rộc đến nút giao Phong Hải, thị xã Quảng Yên - Giai đoạn 1; (3)- Nạo vét bồi lắng lòng hồ Bền Châu và hồ Yên Dưỡng, thành phố Đông Triều; (4)- Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư xã Hạ Long thuộc Khu kinh tế Vân Đồn; (5)- Xây dựng tường kè bảo vệ khu vực cột Mốc 1319 (1) đến khu vực cột Mốc 1320(2), huyện Bình Liêu.

Điều 2. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách cấp tỉnh năm 2025, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 832.967 triệu đồng của 02 dự án không có khả năng giải ngân trong năm 2025

(Chi tiết theo phụ biểu 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh tăng, phân bổ 832.967 triệu đồng cho 64 dự án có khả năng giải ngân trong năm 2025, gồm:

a) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 197.221 triệu đồng cho 40 dự án đã hoàn thành, quyết toán;

b) Phân bổ 47.865 triệu đồng cho 06 dự án chuyển tiếp;

c) Phân bổ 587.881 triệu đồng cho 18 dự án khởi công mới.

(Chi tiết theo phụ biểu 02 kèm theo)

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, tài liệu và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 đối với các dự án do cấp huyện chuyển về đảm bảo khả năng cân đối, không vượt tổng kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ và hoàn thành nội dung này trước 31/12/2025, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả điều chỉnh khi có điều chỉnh tại các kỳ họp gần nhất.

Tiếp tục có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công nhất là các dự án quy mô lớn, trọng điểm, dự án phải hoàn thành trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình và đề án của tỉnh. Kiểm soát chặt chẽ nguồn vốn ứng, chỉ đạo tập trung thu hồi tạm ứng quá hạn, tăng cường kiểm tra, kiểm soát đảm bảo sử dụng vốn ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, kiên quyết không để tình trạng quá hạn; tổ chức rà soát, đánh giá các dự án chậm tiến độ để xác định nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất biện pháp xử lý. Thực hiện các thủ tục đầu tư của các Dự án, các chương trình theo đúng quy định của pháp luật làm cơ sở phân bổ nguồn vốn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2025 đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

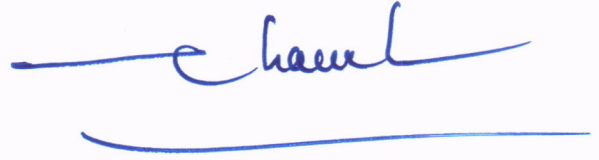
2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 30 thông qua ngày 11 tháng 9 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. 

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội; Chính phủ (báo cáo);
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính; Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Cơ quan UBMTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Ninh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ10. 

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh

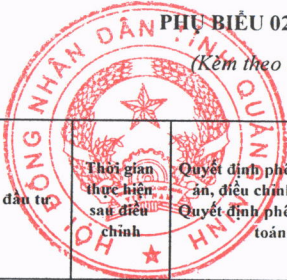
PHỤ BIỂU 01: DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **297** /NQ-HĐND ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện sau điều chỉnh	Quyết định phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn cấp đến năm 2020	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã cấp giai đoạn 2021-2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
					Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh						
	Tổng				8.462.799	6.636.204	10.186	6.591.613	2.835.806	1.118.041	832.967	285.074
1	Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (Giai đoạn 1). Tiểu dự án 2: Phần xây dựng	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2021-2025	4335/QĐ-UBND ngày 06/12/2021; 3320/QĐ-UBND ngày 11/11/2022; 3510/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	6.345.208	4.518.613		4.484.208	1.588.830	762.546	597.472	165.074
2	Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long – Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ nút giao Đầm Nhà Mạc đến đường tỉnh 338 (Giai đoạn 1)	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2020-2025	QĐ số 4645/QĐ-UBND ngày 30/10/219; số 226/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	2.117.591	2.117.591	10.186	2.107.405	1.246.976	355.495	235.495	120.000

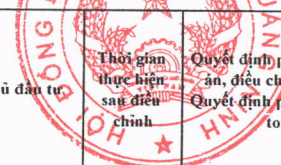
(Chữ ký)



PHỤ BIỂU 02: DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **297** /NQ-HĐND ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	 Thời gian thực hiện sau điều chỉnh	Quyết định phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/ Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng mức đầu tư		Tình hình quyết toán dự án			Lũy kế vốn cấp đến năm 2020	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã cấp giai đoạn 2021-2024	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
							Quyết định phê duyệt Quyết toán (nếu có)	Giá trị						
					Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng	Trong đó ngân sách tỉnh					
	Tổng				15.129.617	14.170.940		4.172.472	2.640.008	3.013.973	7.064.843	4.494.470	832.967	832.967
I	Dự án hoàn thành				10.049.542	9.118.865		4.153.520	2.621.056	3.002.956	5.208.328	4.340.196	197.221	197.221
a	Các dự án đã quyết toán				4.735.308	4.033.816		3.994.878	2.462.414	2.128.541	1.794.781	1.581.858	131.881	131.881
	Dự án cấp huyện chuyển về tỉnh				702.465	702.420		582.422		143.374	485.244	393.159	68.358	68.358
1	Dự án đường giao thông nối quốc lộ 18 với tỉnh lộ 334 tại Phường Cửa Ông thành phố Cẩm Phả, Hạng mục di chuyển hạ ngầm điện trung thế, hạ thế	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2018-2021	Số 4283/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 3584 ngày 26/8/2019; 3966/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	16.752	16.752	Quyết định số: 4895/QĐ-STC ngày 19/9/2023; QĐ số 6713/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 (H)	14.763			15.486	8.026	1.775	1.775
2	Bổ sung một số hạng mục theo báo cáo DTM công trình khu xử lý rác thải hiện có tại xã Dục Yên, huyện Đầm Hà	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2022-2024	Số 3118/QĐ- UBND ngày 25/8/2022	2.900	2.900	1678/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	2.408			2.900	2.004	404	404
3	Cải tạo, nâng cấp đường vào bãi đỗ thải chung của huyện tại thôn Bình Hải xã Tân Bình, huyện Đầm Hà	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2021-2023	Số 684/QĐ-UBND ngày 23/2/2021; 4834/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	1.035	1.035	1117/QĐ-UBND ngày 04/6/2024	791			791	598	193	193
4	Hạ tầng khu tái định cư tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2021-2024	Số 9563/QĐ-UBND ngày 03/12/2020.	109.707	109.707	3800/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	107.429			107.429	93.055	14.375	14.375
5	Hạ tầng khu tái định cư khu Hạ Long, phường Ninh Dương thành phố Móng Cái	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2021-2024	Số 10303/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	170.250	170.250	3801/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	157.715			157.715	124.181	33.534	33.534
6	Trường mầm non Hải Yên, thành phố Móng Cái (giai đoạn 1)	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2019-2021	Số 6112/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 4660/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	33.674	33.674	3803/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	27.512			27.512	25.047	2.465	2.465

Handwritten signature in blue ink.

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện sau điều chỉnh	Quyết định phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/ Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng mức đầu tư		Tình hình quyết toán dự án			Lũy kế vốn cấp đến năm 2020	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã cấp giai đoạn 2021-2024	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
					Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh	Quyết định phê duyệt Quyết toán (nếu có)	Giá trị						
								Tổng	Trong đó ngân sách tỉnh					
7	Nhà văn hóa khu 11, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực I	2025	Số 4556/QĐ-UBND ngày 04/9/2024	5.610	5.610	2828/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	338			500		338	338
8	Trường THCS Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực I	2024-2025	Số 1828/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 (H)	14.134	14.134	3094/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	11.961			3.366		3.366	3.366
9	Trường tiểu học và THCS Hùng Thắng (Nhà học bộ môn, nhà đa chức năng, phụ trợ)	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2011-2012	Số 3616/QĐ-UBND ngày 21/11/2011	26.681	26.636	13222/QĐ-UBND ngày 06/11/2020	26.744		20.034	6.710	6.593	117	117
10	Xây dựng bổ sung phòng học bộ môn và các phòng học chức năng hiệu bộ trường TH và THCS Vũ Oai	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2022-2023	Số 85/QĐ-UBND ngày 07/01/2022	25.364	25.364	477/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	19.878			26.160	19.780	98	98
11	HTKT khu tái định cư phía Đông Nam quảng trường ga Hạ Long tại phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2021-2023	Số 426/QĐ-UBND ngày 05/02/2010; 8718/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	18.730	18.730	5804/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	14.914		9.385	8.652	4.210	1.320	1.320
12	Bồi thường GPMB xây dựng QH khu dân cư khu 5, thị trấn Trới	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2015-2023	Số 281/QĐ-UBND ngày 17/02/2014	75.127	75.127	4227/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	68.307		63.755	3.793		8	8
13	Khu tái định cư tại phường Hà An, thị xã Quảng Yên	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2022-2024	Số 4893/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 (H)	45.956	45.956	3207/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	38.348	-		42.420	36.420	1.801	1.801
14	Khu tái định cư phục vụ cho các dự án trên địa bàn thị xã Quảng Yên tại phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2020-2024	Số 3918/QĐ-UBND ngày 20/11/2020, 2386/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 (H)	76.600	76.600	3293/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 (Quyết toán giai đoạn 2)	28.395	-		69.092	64.757	4.335	4.335
15	Xây dựng kè chống sạt lở bãi biển xã Cái Chiên, huyện Hải Hà	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2019-2022	Số 3278/QĐ-UBND ngày 24/8/2018	79.946	79.946	Số 4810/QĐ-STC 29/7/2025	62.916		50.200	12.716	8.488	4.228	4.228
	Dự án của tỉnh				4.032.843	3.331.396		3.412.457	2.462.414	1.985.168	1.309.538	1.188.699	63.523	63.523

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện sau điều chỉnh	Quyết định phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/ Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng mức đầu tư		Tình hình quyết toán dự án			Lũy kế vốn cấp đến năm 2020	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã cấp giai đoạn 2021-2024	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
					Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh	Quyết định phê duyệt Quyết toán (nếu có)	Giá trị						
								Tổng	Trong đó ngân sách tỉnh					
16	Tuyến đường nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18C, huyện Tiên Yên	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2018-2020	Số 4270/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	100.000	100.000	7334/QĐ-STC ngày 27/12/2022	95.648	95.648	70.000	25.898	25.397	250	250
17	Đầu tư hoàn chỉnh đường trục chính KKT Vân Đồn phù hợp với tiêu chuẩn đường cao tốc và xây dựng tuyến đường gom từ đường cao tốc đến sân bay Vân Đồn	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2019-2021	Số 4409/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	472.859	472.859	2922/QĐ-STC ngày 21/6/2023	403.192	403.192	295.978	110.000	107.214	471	471
18	Dự án tràn xả lũ dự phòng và hệ thống thoát lũ sau tràn hồ chứa nước Khe Cát, xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2020-2021	Số 4577/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	48.000	48.000	3051/QĐ-STC ngày 27/6/2023; 6534/QĐ-STC ngày 5/12/2024	33.894	33.894	10.000	27.000	23.863	31	31
19	Sửa chữa, khắc phục sự cố đoạn kênh từ Km4+328,5 đến Km5+087,5 tại phường Nam Khê, thành phố Uông Bí của kênh N2B thuộc hệ thống kênh hồ Yên Lập	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2020-2023	Số 3715/QĐ-UBND ngày 28/9/2020; 1227/QĐ-UBND ngày 23/4/2021; 1999/QĐ-UBND ngày 25/6/2021; 3806/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	27.383	27.383	25/QĐ-STC ngày 03/01/2024; 914/QĐ-STC ngày 26/2/2025	26.610	26.610		27.000	26.574	36	36
20	Tuyến đường nối đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả với trung tâm thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh (Đoạn 1)	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2021-2024	Số 6888/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 (TP); 5084/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 (TP)	592.935	592.935	2058/QĐ-UBND ngày 28/5/2025; 5360/QĐ-UBND ngày 30/12/2024; 2420/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	432.221			450.000	423.021	9.200	9.200
21	Cầu nối ĐT 330 với trung tâm thị trấn Ba Chẽ kết hợp với Kè chống sạt lở tuyến đường trục chính và khu dân cư thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2022-2024	Số 3499/QĐ-UBND ngày 20/9/2022	248.999	248.999	1740-18/6/2025	219.446	219.446		248.999	219.000	446	446
22	Đường từ nút giao Chợ Rộc đến nút giao Phong Hải thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh - Giai đoạn I	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2019-2022	Số 4472/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 3877/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh	706.401	323.000	3076/QĐ-UBND ngày 11/6/2025	562.555	323.000	317.875	244.680	220.352	24.327	24.327

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện sau điều chỉnh	Quyết định phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/ Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng mức đầu tư		Tình hình quyết toán dự án			Lũy kế vốn cấp đến năm 2020	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã cấp giai đoạn 2021-2024	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
					Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh	Quyết định phê duyệt Quyết toán (nếu có)	Giá trị						
								Tổng	Trong đó ngân sách tỉnh					
23	Đường nối đường tỉnh 331B với đường tỉnh 338 thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2019-2022	Số 4471/QĐ-UBND ngày 31/10/2018, 4517/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh	304.846	183.000	3879/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	270.203	156.766	216.881	53.321	51.477	1.844	1.844
24	San nền giai đoạn I - Trung tâm thể thao vùng Đông Bắc tại Quảng Ninh	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2011-2015	Số 2534/QĐ-UBND ngày 20/08/2010	370.000	370.000	303/QĐ-STC ngày 12/3/2025	297.307	297.307	289.958	7.349		7.349	7.349
25	Đường giao thông từ bản Tài Chi đi Hang Vây, xã Quảng Sơn, huyện Hải Hà và Đường giao thông từ TL335 đến núi Tô Chim, phường Hải Hòa, Tp Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh/QK3	Đoàn Kinh tế QP 327	2019-2022	Số 4750/QĐ-BQP 30/10/2018	50.000	25.800	5432/QĐ-BQP ngày 01/11/2023	48.863	25.538	24.478	1.060		1.060	1.060
26	Dự án Hỗ trợ Công an tỉnh đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Đội Cảnh sát PCCC& cứu nạn cứu hộ huyện Hải Hà	Công an tỉnh	2019-2022	Số 4509/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 4510/QĐ-UBND ngày 7/12/2020; 4271/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	19.540	19.540	252/QĐ-STC ngày 15/01/2025	19.473	19.473	2.778	16.760	16.559	136	136
27	Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng Vân Đồn	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Ninh	2020-2021	Số 274/QĐ-BQP ngày 19/1/2019; 855/QĐ-BQP ngày 17/3/2020	70.000	30.000	Số 6016/QĐ-BQP ngày 10/12/2024	61.317	28.520	9.000	21.000	19.297	223	223
28	Nạo vét bồi lắng lòng hồ Bến Châu và hồ Yên Đường, thị xã Đông Triều (nay là thành phố Đông Triều), tỉnh Quảng Ninh	Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều	2021	4404/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018	34.937	34.937	2289/QĐ-STC ngày 19/5/2025	30.383	30.383	29.000	1.383		1.383	1.383
29	Hỗ trợ dự án Dò tìm và xử lý bom, mìn, xử lý vật nổ phục vụ phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Trung, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn (2021-2025)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	2021-2022	QĐ số 4215/QĐ-BQP ngày 30/12/2020	60.000	60.000	Số 3369/QĐ-BQP ngày 14/7/2025 của BQP	57.635	57.635		60.000	55.945	1.690	1.690

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện sau điều chỉnh	Quyết định phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/ Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng mức đầu tư		Tình hình quyết toán dự án			Lũy kế vốn cấp đến năm 2020	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã cấp giai đoạn 2021-2024	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
					Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh	Quyết định phê duyệt Quyết toán (nếu có)	Giá trị						
								Tổng	Trong đó ngân sách tỉnh					
30	Xây dựng tường kẻ bảo vệ khu vực cột Mốc 1319(1) đến khu vực cột Mốc 1320(2), huyện Bình Liêu	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Ninh	2015-2025	Số 2398/QĐ-UBND ngày 14/8/2015; 664/QĐ-UBND ngày 16/6/2016; 157/QĐ-UBND ngày 16/1/2024;	19.266	9.266	5330/QĐ-STC ngày 14/8/2025	19.266	19.266	-	7.500		7.488	7.488
31	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế thị xã Quảng Yên	Sở Y tế	2014-2018	Số 2972/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; 285/QĐ-UBND ngày 31/8/2016	432.353	432.353	3460/QĐ-STC ngày 08/8/2018	401.822	401.822	401.822	414		414	414
32	Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh	Sở Y tế	2009-2014	Số 4022/QĐ-UBND ngày 09/12/2009	301.325	301.325	896/QĐ-STC ngày 08/3/2017	272.397	272.397	272.397	657		657	657
33	Đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị nghiệp vụ phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy tỉnh Quảng Ninh	Công an tỉnh	2016-2022	Số 6112/QĐ-BCA-H43 ngày 30/10/2015	174.000	52.000	155/QĐ-H01-P5	160.227	51.518	45.000	6.518		6.518	6.518
b	Các dự án chưa quyết toán				5.314.234	5.085.049		158.642	158.642	874.415	3.413.547	2.758.338	65.341	65.341
	Dự án cấp huyện chuyển về tỉnh				32.513	32.513				6.000	22.816	15.083	1.891	1.891
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tự xây và tái định cư tổ 29 khu 5 phường Hà Khánh - TP. Hạ Long (gd2)	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2021 - 2025	Số 980/QĐ-UBND ngày 25/2/2022; 4363/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	24.082	24.082				6.000	18.000	12.125	32	32
2	Hạ tầng điểm lễ xen cư khu vực Điểm trường tiểu học Đá Trắng, thôn Đá Trắng, xã Thông Nhất, huyện Hoành Bồ (Giai đoạn 1)	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2018-2020	Số 2987/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	8.431	8.431					4.816	2.957	1.859	1.859
	Dự án của tỉnh				1.429.056	1.199.871		158.642	158.642	68.415	920.731	691.106	63.450	15.450
3	Cầu Cửa Lục 1	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2020-2023	Số 4641/QĐ-UBND ngày 30/10/219; số 3807/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	2.109.860	2.109.860				550.000	1.130.000	976.203	20.000	20.000
4	Cầu Cửa Lục 3	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2020-2023	Số 4642/QĐ-UBND ngày 30/10/218; số 2826/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	1.742.805	1.742.805				250.000	1.340.000	1.075.946	28.000	28.000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện sau điều chỉnh	Quyết định phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/ Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng mức đầu tư		Tình hình quyết toán dự án			Lũy kế vốn cấp đến năm 2020	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã cấp giai đoạn 2021-2024	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
					Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh	Quyết định phê duyệt Quyết toán (nếu có)	Giá trị						
								Tổng	Trong đó ngân sách tỉnh					
5	Hệ thống đường cấp nước - Hồ Khe Giữa	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2022-2024	Số 4316/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 692/QĐ-UBND ngày 08/3/2024	91.500	91.500					91.500	62.753	3.450	3.450
6	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 342, đoạn địa phận Ba Chẽ;	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2023-2025	Số 2789/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	815.981	815.981					816.000	618.122	9.000	9.000
7	Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư xã Hạ Long thuộc Khu Kinh tế Vân Đồn	Ban QLKKT	2009 - 2023	Số 2255 ngày 22/7/2009; 3968 ngày 7/12/2009; 2341 ngày 27/7/2016; 2220 ngày 2/7/2020	521.575	292.390	2255 ngày 22/7/2009; 3968 ngày 7/12/2009; 2341 ngày 27/7/2016; 2220 ngày 2/7/2020	158.642	158.642	68.415	13.231	10.231	3.000	3.000
II	Dự án chuyển tiếp, đang thực hiện				480.423	480.423		18.952	18.952	11.017	433.096	154.274	47.865	47.865
	Dự án huyện chuyển về tỉnh				228.811	228.811		18.952	18.952	11.017	147.096	83.472	27.865	27.865
i1	Nhóm dự án do các Ban làm chủ đầu tư				124.000	124.000	-	-	-	-	55.561	-	27.000	27.000
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thôn Đất Đỏ (đoạn từ đường Đồng Cao - Đò Bang đến trường THPT Thống Nhất, xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2025-2026	Số 4637/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	35.000	35.000					20.000		10.000	10.000
2	Tuyến đường vào khu di tích cấp tỉnh Đền Cù Vũ Phi Hồ, xã Lê Lợi, thành phố Hạ long	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2025-2026	Số 4695/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	39.000	39.000					15.000		15.000	15.000
3	Cải tạo, nâng cấp tượng đài Vũ Văn Hiếu, phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực I	2025-2026	Số 5250/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	50.000	50.000					20.561		2.000	2.000
i2	Nhóm dự án do Bộ CHQS làm chủ đầu tư				104.811	104.811		18.952	18.952	11.017	91.535	83.472	865	865
4	Căn cứ chiến đấu số 1 Việt Hưng GĐ1	Bộ CHQS tỉnh Quảng Ninh	2021-2024	số 116/QĐ/UBND ngày 30/10/2019; 163/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; 3674/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 (M)	83.652	83.652				-	83.600	75.696	706	706

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện sau điều chỉnh	Quyết định phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/ Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng mức đầu tư		Tình hình quyết toán dự án			Lũy kế vốn cấp đến năm 2020	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã cấp giai đoạn 2021-2024	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
							Quyết định phê duyệt Quyết toán (nếu có)	Giá trị						
					Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng	Trong đó ngân sách tỉnh					
5	Căn cứ chiến đấu thành phố Uông Bí (GD-1)	Bộ CHQS tỉnh Quảng Ninh	2019-2021	Số 6216/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2727/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 (M)	21.159	21.159	Số 2851/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	18.952	18.952	11.017	7.935	7.776	159	159
	Dự án của tỉnh				251.612	251.612					286.000	70.802	20.000	20.000
6	Tuyến đường từ nút giao Đầm Nhà Mạc đến Khu công nghiệp Bắc Tiên Phong (giai đoạn 1)	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực II	2023-2026	Số 1890/QĐ-UBND ngày 08/7/2023; số 452/QĐ-UBND ngày 24/2/2025	251.612	251.612					286.000	70.802	20.000	20.000
III	Dự án khởi công mới				4.599.652	4.571.652					1.423.418		587.881	587.881
a	Các dự án do Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực I làm chủ đầu tư				3.099.542	3.099.542					719.318		336.900	336.900
	Dự án huyện chuyển về tỉnh				491.579	491.579					79.318		78.900	78.900
1	Đầu tư xây dựng đường QH11 Phương Đông, phường Yên Tử (đoạn từ đường Yên Trung đến đường Yên Tử)	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực I	2024-2026	Số 389/QĐ-UBND ngày 09/06/2025	285.394	285.394					16.318		16.000	16.000
2	Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Yên Tử (đoạn từ Quốc lộ 18 đến Công ty Kho vận Đá Bạc – Vinacomin)	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực I	2023-2025	Số 2313/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	25.000	25.000					10.000		10.000	10.000
3	Đường liên khu 3-4-5A Quang Trung, phường Uông Bí	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực I	2024-2025	Số 2425/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	14.185	14.185					8.000		8.000	8.000
4	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Hà và tuyến đường kết nối đến khu vực xây mới Trường THPT Vũ Văn Hiếu tại phường Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực I	2025-2026	Số 3446/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 (Dự án thành phần 02: Xây dựng)	65.000	65.000					20.000		19.900	19.900
5	Dự án cải tạo, chỉnh trang các tuyến phố xung quanh hồ điều hoà Yết Kiêu, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực I	2025-2026	Số 3447/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	20.000	20.000					5.000		5.000	5.000
6	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ Quốc lộ 18A vào bến đò đi chùa Lôi Âm, phường Tuấn Châu, tỉnh Quảng Ninh.	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực I	2025-2027	Số 3448/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 (Dự án thành phần 02: Xây dựng)	82.000	82.000					20.000		20.000	20.000

STT		Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện sau điều chỉnh	Quyết định phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/ Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng mức đầu tư		Tình hình quyết toán dự án			Lũy kế vốn cấp đến năm 2020	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã cấp giai đoạn 2021-2024	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
							Quyết định phê duyệt Quyết toán (nếu có)	Giá trị						
					Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng	Trong đó ngân sách tỉnh					
	Dự án của tỉnh				2.572.668	2.572.668					640.000		258.000	258.000
7	Dự án thành phần Mở rộng Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh (giai đoạn II)	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực I	2025-2028	- Số 3057/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 (Dự án thành phần 02: Xây dựng) - Số 3443/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 (Dự án thành phần 01: GPMB)	644.668	644.668					140.000		120.000	120.000
8	Xây mới trường THPT Bãi Cháy	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực I	2025-2027	Số 3442/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 (Dự án thành phần 02: Xây dựng)	259.000	259.000					50.000		50.000	50.000
9	Sửa chữa, khắc phục nhà thi đấu thể thao dưới nước thuộc Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao tỉnh Quảng Ninh	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực I	2025-2027	Số 3451/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	129.000	129.000					100.000		30.000	30.000
10	Mở rộng, nâng cấp Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực I	2025-2029	Số 3443/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 (Dự án thành phần 01: GPMB)	1.540.000	1.540.000					330.000		50.000	50.000
11	Nhà hiệu bộ, bổ sung phòng học bộ môn trường THCS Trới, phường Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực I	2025-2026	Số 3301/QĐ-UBND ngày 22/8/2025	35.295	35.295					20.000		8.000	8.000
b	Các dự án do Đặc khu Vân Đồn làm chủ đầu tư				1.225.110	1.225.110					644.100		190.981	190.981
1	Đầu tư xây dựng đường gom dọc tuyến đường trục chính trung tâm Khu đô thị Cái Rồng	Đặc khu Vân Đồn	2025-2028	Số 2124/QĐ-UBND ngày 26/06/2025 (X)	198.789	198.789					100.000		30.000	30.000
2	Đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất trường Trung học cơ sở Đồng Xá	Đặc khu Vân Đồn	2025-2027	Số 1610 ngày 13/8/2025 (X)	67.897	67.897					65.000		15.000	15.000
3	Trường Trung học cơ sở Hạ Long, huyện Vân Đồn	Đặc khu Vân Đồn	2024-2027	Số 5891 ngày 11/11/2022 (X)	229.442	229.442					119.100		25.000	25.000
4	Cầu bắc qua luồng sông Mang, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn	Đặc khu Vân Đồn	2024-2028	Số 1735/QĐ-UBND ngày 27/8/2025	553.502	553.502					180.000		80.981	80.981

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện sau điều chỉnh	Quyết định phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/ Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng mức đầu tư		Tình hình quyết toán dự án			Lũy kế vốn cấp đến năm 2020	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã cấp giai đoạn 2021-2024	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
							Quyết định phê duyệt Quyết toán (nếu có)	Giá trị						
					Tổng	Trong đó: ngân sách tỉnh		Tổng	Trong đó ngân sách tỉnh					
5	Xây mới bến cảng Con Quy, xã Quan Lạn, huyện Văn Đồn	Đặc khu Văn Đồn	2025-2027	Số 2017/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 (H)	175.481	175.481					180.000		40.000	40.000
c	Các dự án do BCH Quân sự tỉnh làm chủ đầu tư				275.000	247.000					60.000		60.000	60.000
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các hạng mục thiết yếu cảng Bắc Vân, đặc khu Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh	Bộ CHQS tỉnh Quảng Ninh	2024-2027	Số 4496/QĐ-BQP ngày 09/9/2025 của Bộ Quốc phòng	200.000	180.000					50.000		50.000	50.000
2	Dự án Khu Trung tâm huấn luyện, diễn tập cho lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Ninh	Bộ CHQS tỉnh Quảng Ninh	2025-2027	Số 833/QĐ-QK3 ngày 26/8/2025	75.000	67.000					10.000		10.000	10.000

40